TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Họ Mạc và Hà Tiên thế kỷ 18: Phật giáo, hải thương và địa chính trị (P1/5)

ISSN: 2734-9195 14:00 10/07/2026

Kinh tế nuôi dưỡng quốc lực; quốc lực bảo vệ sự bình yên; và sự bình yên lại mở đường cho thương nhân, lưu dân, tàu thuyền tiếp tục tìm về. Hà Tiên từ một miền đất thấp ven biển đã vươn mình thành một thương cảng phồn thịnh ở vùng Tây Nam.

Tóm lược

Dưới buổi đầu triều Mãn Thanh, Trung Hoa bước vào một trong những thời đoạn biến động dữ dội nhất của lịch sử cận đại phương Đông. Cuộc cải triều hoán đại Minh - Thanh không chỉ làm thay đổi trật tự quyền lực ở Trung Nguyên, mà còn tạo nên những chấn động sâu xa trong lòng xã hội. Trước sự thay đổi vương triều và nỗi bất mãn đối với quyền lực mới, nhiều lớp di dân đã rời bỏ cố quốc, mang theo tâm thức lưu vong, nỗi hoài niệm cựu triều và khát vọng tìm kiếm một miền đất dung thân.

Làn sóng ly hương mang đậm sắc thái chính trị ấy nhanh chóng lan tỏa trên một không gian rộng lớn. Ở vùng Đông Bắc Á, dấu chân những người rời quê hướng về Cao Ly và Nhật Bản; xuôi xuống miền Đông Nam Á trù phú, họ lần lượt tìm đến Đại Việt, Chân Lạp, Xiêm La, bán đảo Malacca, rồi vượt biển đến những quần đảo xa xôi thuộc Indonesia và Philippines ngày nay. Những cuộc viễn hành ấy không chỉ làm thay đổi bản đồ cư trú của cộng đồng người Hoa hải ngoại, mà còn gieo xuống khắp các hải lộ Nam Dương những hạt giống giao thoa văn hóa, thương mại và kinh tế.Giữa dòng người lưu vong ấy nổi bật lên hình ảnh Cư sĩ Mạc Cửu - 鄚玖 - một bậc hào phú nguyên quán huyện Hải Khang, phủ Lôi Châu, tỉnh Quảng Đông. Năm Tân Hợi 1671, trước cảnh quê hương điêu linh giữa binh lửa và những biến động chính trị khốc liệt của thời cuộc, ông đã hiệu triệu gia tộc cùng những người đồng chí hướng rời bỏ cố thổ, vượt biển xuôi về phương Nam, tìm đến nương náu nơi Vương quốc Chân Lạp.

Sau những năm tháng phiêu bạt, Cư sĩ Mạc Cửu dừng chân tại vùng duyên hải Hà Tiên. Trước mắt ông khi ấy là một miền đất còn hoang sơ, nhưng lại sở hữu

địa thế đặc biệt: lưng tựa vào miền lục địa Đông Dương, mặt hướng ra vịnh Xiêm La, đồng thời nằm trên tuyến giao thương nối liền vùng biển Nam Hải với bán đảo Mã Lai và những hải lộ xa hơn về phía Ấn Độ Dương.

Bằng tài thao lược, nhãn quan kinh bang tế thế và bản lĩnh của một người từng trải qua thời loạn, Cư sĩ Mạc Cửu ra sức chiêu tập lưu dân, khai khẩn đất hoang, lập thôn dựng ấp. Lấy cộng đồng lưu dân người Hoa làm một trong những lực lượng nòng cốt, ông từng bước tổ chức lực lượng phòng vệ, thiết lập bộ máy quản trị và xây dựng một mạng lưới hành chính mang tính tự trị cao. Trong phạm vi quản hạt của mình, chính quyền Hà Tiên dần nắm giữ quyền chủ động đáng kể trên các phương diện kinh tế, thương mại và bang giao.

Chẳng bao lâu, vùng đất hoang sơ nơi góc biển đã trở thành chốn tụ hội của lưu dân bốn phương. Người Hoa, người Việt, các cộng đồng bản địa cùng những đoàn thương nhân viễn phương lần lượt tìm đến sinh sống, buôn bán và lập nghiệp, tạo nên cảnh tượng "*Hoa Di tạp xứ*" -華夷雜處 - vừa đa sắc tộc, vừa phồn thịnh, vừa mang hơi thở cởi mở của một cảng thị biên viễn.

Nhờ vị trí giao thương đắc địa, cùng chính sách chiêu dân, mở chợ và khuyến khích thương mại, Hà Tiên nhanh chóng vươn mình thành một thương cảng phồn thịnh trên hải lộ quốc tế. Thuyền buôn từ nhiều phương theo gió mùa tìm đến; hàng hóa tụ hội, nhân vật giao lưu, tiền tài luân chuyển. Từ một miền đất còn thưa vắng, Hà Tiên dần trở thành điểm nối quan trọng giữa lục địa và đại dương, giữa cư dân bản địa và thế giới thương mại biển. Danh tiếng Hà Tiên từ đó vang xa trên các tuyến hàng hải, đương thời được biết đến với danh xưng "*Cảng Khẩu Quốc*" - 港口國.

Tuy nhiên, Cư sĩ Mạc Cửu hiểu rõ rằng giữa cục diện chính trị đầy biến động của bán đảo Đông Dương, một thương cảng giàu có nhưng đơn độc khó có thể trường tồn trước sự tranh chấp của các thế lực lân bang. Chân Lạp ngày càng suy yếu; Xiêm La thường xuyên dòm ngó vùng duyên hải phía Đông vịnh Xiêm; trong khi thế lực các chúa Nguyễn ở Đàng Trong đang từng bước mở rộng về phương Nam, tạo nên một thế cân bằng mới trong không gian chính trị Nam Bộ.

Trước thế cuộc ấy, Cư sĩ Mạc Cửu quyết định chuyển hướng chiến lược, tìm kiếm một điểm tựa chính trị và quân sự vững chắc hơn cho Hà Tiên. Đó không chỉ là một lựa chọn sinh tồn của một thương cảng biên viễn, mà còn là một quyết định có ý nghĩa lịch sử trong tiến trình mở cõi phương Nam. Ông hướng về xứ Quảng Nam, thân hành bái kiến và dâng biểu xin quy phục chúa Nguyễn Đại Việt, đặt Hà Tiên vào quỹ đạo chính trị đang lên của Đàng Trong.

1. Hà Tiên quy phụ Đàng Trong và bước ngoặt lịch sử năm 1708

Năm Mậu Tý 1708, vị chúa Nguyễn thứ sáu cai trị Đàng Trong - Quốc chúa - Bồ tát Nguyễn Phúc Chu (1675-1725) chuẩn thuận lời thỉnh cầu của Cư sĩ Mạc Cửu, chính thức tiếp nhận Hà Tiên vào phạm vi quản hạt của Đàng Trong. Đồng thời, chúa Nguyễn sắc phong Cư sĩ Mạc Cửu làm Tổng binh trấn Hà Tiên, ban tước Cửu Ngọc hầu.

Từ đây, Hà Tiên bước vào một chương mới của lịch sử. Trên danh nghĩa, vùng đất này thuộc cương vực chính trị của chúa Nguyễn; nhưng trong thực tế, Hà Tiên vẫn bảo lưu một mức độ tự chủ đáng kể dưới quyền trị lý của dòng họ Mạc. Chính sự dung hợp đặc biệt giữa quy thuộc và tự trị ấy đã tạo nên vị thế độc đáo của Hà Tiên: vừa là phiên trấn nơi biên viễn phương Nam của Đại Việt, vừa là một cảng thị hải thương năng động, có khả năng tự điều phối trong nhiều vấn đề kinh tế, thương mại, quân sự và bang giao.

Sau khi Cư sĩ Mạc Cửu khép lại một đời khai cơ mở cõi, người con trai trưởng là Cư sĩ Mạc Thiên Tích - 鄚天賜居士 - kế thừa cơ nghiệp của phụ thân, chính thức nắm quyền trị lý Hà Tiên. Nếu Cư sĩ Mạc Cửu là người đặt nền móng cho một Hà Tiên từ chốn hoang sơ trở thành thương cảng phồn thịnh, thì Cư sĩ Mạc Thiên Tích chính là người đưa vùng đất ấy bước vào thời kỳ rực rỡ về văn trị, thương mại và ảnh hưởng chính trị khu vực.

Mang thân phận một cư sĩ Phật tử tại gia nhưng sở hữu tầm nhìn của một nhà chiến lược, Cư sĩ Mạc Thiên Tích không chỉ tiếp tục công cuộc chấn hưng kinh tế và văn hóa của cha, mà còn từng bước đưa chính quyền Hà Tiên vượt khỏi phạm vi của một thế lực địa phương. Trong những thập niên từ khoảng năm 1730 đến năm 1770, Hà Tiên dần trở thành một lực lượng có ảnh hưởng đáng kể trong thế cân bằng quyền lực trên bán đảo Đông Dương.

Đó là thời kỳ Xiêm La, Miến Điện, Chân Lạp và các thế lực trong khu vực liên tục bị cuốn vào những vòng xoáy chiến tranh, tranh chấp vương quyền và xung đột địa chính trị. Giữa cục diện ấy, Hà Tiên tuy chỉ là một chính thể nơi góc biển, nhưng lại nắm giữ vị trí địa chiến lược đặc biệt ở vùng biển phía Nam. Nơi đây vừa là cửa ngõ thương mại nối liền lục địa với vịnh Xiêm La, vừa là điểm quan sát nhạy bén trước mọi biến động chính trị trong khu vực.

Đặc biệt, trong những năm chiến tranh Xiêm La - Miến Điện diễn biến quyết liệt, Cư sĩ Mạc Thiên Tích đã khéo léo duy trì các mối liên hệ thông tin với triều đình nhà Thanh. Từ nơi biên hải xa xôi, Hà Tiên trở thành một nguồn tin đáng chú ý,

giúp triều Thanh theo dõi những chuyển động chính trị và quân sự tại vùng biển Nam Hải cũng như bán đảo Trung Nam. Điều này cho thấy Hà Tiên không chỉ là một thương cảng địa phương, mà còn là một điểm nối thông tin trong mạng lưới chính trị rộng lớn của Đông Á và Đông Nam Á thế kỷ XVIII.

Trải qua nhiều năm đối đầu căng thẳng với Xiêm La trên cả hai mặt trận quân sự và ngoại giao, chính quyền Hà Tiên dưới sự chèo lái của Cư sĩ Mạc Thiên Tích ngày càng khẳng định vai trò đặc biệt trong cục diện khu vực. Từ một vùng đất dung thân của những lớp lưu dân ly hương, Hà Tiên đã vươn lên thành một thương cảng quốc tế phồn thịnh, một chính thể biên hải có mức độ tự chủ cao và một mắt xích đáng kể trong mạng lưới địa chính trị Đông Nam Á thế kỷ XVIII.

Hành trình ấy, xét đến cùng, bắt đầu từ bước chân của một người lưu dân rời bỏ Hải Khang giữa cơn biến động Minh - Thanh. Nhưng từ nơi góc biển phương Nam, Cư sĩ Mạc Cửu và những người kế nghiệp ông đã dựng nên một cơ nghiệp vượt xa số phận của một cộng đồng lưu vong: một Hà Tiên hội tụ tứ dân, thông thương vạn quốc, đứng giữa những dòng chảy lớn của lịch sử khu vực.



Quốc lão Mạc Thiên Tích. Ảnh tác giả cung cấp.

2. Cư sĩ Mạc Thiên Tích và công cuộc kiến tạo Hà Tiên văn hiến

Tiếp quản cơ nghiệp từ phụ thân, Cư sĩ Mạc Thiên Tích dốc sức kiến thiết phủ thành Hà Tiên ngày thêm nguy nga, tráng lệ. Đồng thời, ông tiếp tục giữ trọn đạo thần thuộc đối với Quốc chúa Nguyễn của Đại Việt, từng bước định vị Hà Tiên như một phiên trấn kiên trung nơi miền biên viễn phương Nam.

Trên nền tảng ấy, Cư sĩ Mạc Thiên Tích lấy điển chế văn trị thời Minh làm khuôn mẫu cho công cuộc kinh bang tế thế. Ông khai sơn lập tự viện Phật giáo, dựng xây bảo điện Đạo giáo, mở Nghĩa học, truyền bá thi thư và vun bồi phong hóa. Không dừng lại ở đó, chính quyền họ Mạc còn chủ trương rộng mở, dung hội hài hòa những dòng chảy văn hóa của các cộng đồng bản địa, đồng thời dành một không gian tương đối khoan hòa cho những đức tin tôn giáo từ phương Tây tìm đến.

Từ những mạch nguồn tưởng chừng dị biệt ấy, một diện mạo Hà Tiên đặc sắc dần được định hình: phồn hoa mà thanh nhã, cởi mở mà vẫn giữ nền nếp, hội tụ muôn phương nhưng không đánh mất cốt cách văn hiến. Giữa nơi góc biển xa xôi, Hà Tiên từng bước vươn lên thành miền "*Y quan văn vật chi bang*" - 衣冠文物之邦 - một cõi văn hiến, lễ nghi và học thuật rạng rỡ, mang đậm phong vị văn hóa Trung Hoa bên bờ đại dương phương Nam.

Trong không gian ấy, Phật giáo không chỉ hiện diện như một tín ngưỡng cá nhân của dòng họ Mạc, mà còn trở thành một nguồn lực văn hóa góp phần định hình đời sống tinh thần của cư dân Hà Tiên. Những ngôi tự viện Phật giáo, sinh hoạt lễ nghi, tinh thần hướng thiện và lý tưởng hộ quốc an dân đã hòa vào nhịp sống của một cảng thị đa tộc người, tạo nên nền tảng đạo đức mềm mại cho một xã hội vừa thương mại hóa mạnh mẽ, vừa cần đến sự ổn định về phong hóa và trật tự cộng đồng.

Song, tầm vóc của Hà Tiên dưới thời Cư sĩ Mạc Thiên Tích không chỉ được tạo dựng bằng văn trị. Chính thực lực quân sự cùng sự uyển chuyển trong sách lược bang giao đã đưa chính quyền họ Mạc trở thành một nhân tố quan trọng trên bàn cờ chính trị của bán đảo Đông Dương. Đứng giữa những thế lực lớn như Đại Việt, Chân Lạp và Xiêm La, Hà Tiên nhiều phen phải ứng biến trước những cơn chuyển động dữ dội của thời cuộc.

Trong hoàn cảnh ấy, tài thao lược của người cầm quyền cùng vị thế đặc thù của thương cảng đã giúp chính quyền họ Mạc có lúc trở thành một mắt xích đáng kể trong thế cân bằng quyền lực khu vực. Hà Tiên không chỉ là một vùng đất biên viễn, mà còn là nơi quyền lực, thương mại, văn hóa và tôn giáo giao nhau; từ đó để lại dấu ấn sâu đậm trong tiến trình lịch sử của cả Việt Nam, Chân Lạp và vùng vịnh Xiêm La.

3. Hà Tiên qua sử liệu Việt Nam và Trung Hoa

Những chương sử về chính quyền Hà Tiên và dòng tộc họ Mạc vì thế không chỉ lưu truyền trong ký ức dân gian hay những câu chuyện nơi miền biên hải, mà

còn được ghi chép, khảo chứng trong nhiều bộ sử và thư tịch cổ của cả Việt Nam lẫn Trung Hoa.

Về phía sử liệu trong nước, diện mạo và tầm vóc của Hà Tiên được phản ánh khá rõ nét trong Gia Định thành thông chí - 嘉定城通志 - bộ địa chí kinh điển của học giả Trịnh Hoài Đức. Bên cạnh đó, tư liệu chuyên biệt về dòng họ Mạc là Hà Tiên trấn Hiệp trấn Mạc thị gia phả - 河仙鎮協鎮鄚氏家譜 - do Vũ Thế Dinh biên soạn, cũng cung cấp nhiều chi tiết quý giá về gia thế, công nghiệp và vai trò chính trị của họ Mạc tại miền Tây Nam.

Ngoài ra, những bộ chính sử quan trọng do Quốc sử quán triều Nguyễn phụng chỉ biên khảo như Đại Nam thực lục - 大南寔錄 - và Đại Nam nhất thống chí - 大南一統志 - cùng trước tác khảo cứu nổi tiếng Phủ biên tạp lục - 撫邊雜錄 - của nhà bác học Lê Quý Đôn, đều lưu lại những tư liệu có giá trị về đất Hà Tiên, về chính quyền họ Mạc và về vị thế đặc biệt của vùng đất này trong tiến trình mở cõi phương Nam.

Nhìn từ các nguồn sử liệu ấy, Hà Tiên hiện lên không chỉ như một thương cảng phồn thịnh nơi miền biên hải, mà còn là một không gian lịch sử đặc biệt, nơi hội tụ những lớp trầm tích văn hóa, đạo lý và nhân tâm. Đó là vùng đất của những lưu dân bền chí dựng nghiệp, của tinh thần khai mở và dung hợp, nơi Phật giáo nuôi dưỡng lòng từ bi, Đạo giáo khơi dậy lối sống thuận theo tự nhiên, còn Nho học góp phần vun bồi lễ nghĩa, kỷ cương và phong hóa xã hội. Trong sự giao hòa ấy, Hà Tiên không chỉ phát triển như một trung tâm kinh tế, văn hóa và thi ca, mà còn trở thành điểm tựa chính trị quan trọng, nơi quyền lực địa phương khéo léo nương theo đại cuộc, góp phần giữ gìn trật tự xã hội, ổn định vùng biên và tham dự sâu sắc vào hành trình xác lập cương vực phía Nam của Đại Việt.

Nhìn từ sử liệu Trung Hoa, vị trí địa chính trị của chính quyền Hà Tiên cũng hiện lên qua những bộ thư tịch quy mô của triều Thanh như Thanh thực lục - 清實錄 - và Thanh triều văn hiến thông khảo - 清朝文獻通考. Những ghi chép ấy, khi đặt song song với nguồn sử liệu Việt Nam, mở ra một trường nhìn rộng lớn hơn về Hà Tiên: không chỉ là một trấn biên viễn trong tiến trình Nam tiến của Đại Việt, mà còn là một thương cảng và một chính thể địa phương từng hiện diện trong mạng lưới bang giao, thương mại và tranh chấp quyền lực của Đông Nam Á thế kỷ XVIII.

Sự giao hội của nhiều nguồn sử liệu, từ Việt Nam đến Trung Hoa, đã phần nào minh chứng cho vị thế đặc biệt của dòng họ Mạc trong lịch sử phương Nam. Từ một gia tộc lưu dân nơi đất khách, họ đã dựng nên cơ nghiệp Hà Tiên, mở mang thương cảng, chấn hưng văn giáo, hộ trì Phật pháp và nhiều phen ứng xử khéo

léo giữa những cơn sóng lớn của thời cuộc. Chính từ nơi góc biển ấy, tên tuổi của nhị vị Cư sĩ Phật tử Mạc Cửu, Cư sĩ Mạc Thiên Tích cùng các thế hệ Mạc gia đã vượt khỏi phạm vi của một dòng họ địa phương, để lưu dấu trong những trang sử rộng lớn hơn của bán đảo Đông Dương.

Bước sang thế kỷ XX, đặc biệt từ thập niên 1950, chính quyền Hà Tiên và lịch sử dòng họ Mạc ngày càng trở thành đề tài thu hút sự quan tâm sâu rộng của giới sử học và thư mục học quốc tế. Tại Pháp, Giáo sư Émile Gaspardone thuộc Collège de France đã công bố nhiều nghiên cứu tiên phong liên quan đến ngôn ngữ, văn bản và lịch sử Đông Dương. Cùng trong dòng chảy học thuật ấy, các học giả như William E. Willmott và Fujiwara Riichiro cũng lần lượt đưa ra những luận điểm có giá trị, góp phần soi sáng vai trò đối ngoại cũng như vị trí chiến lược của thế lực họ Mạc trong cục diện khu vực.

Đặc biệt, vào giai đoạn chuyển tiếp giữa hai thập niên 1950 và 1960, việc nghiên cứu lịch sử Hà Tiên ghi nhận một dấu mốc học thuật quan trọng gắn liền với tên tuổi Giáo sư Trần Kinh Hòa - một chuyên gia sử học người Hoa có uy tín trong giới nghiên cứu quốc tế. Trong thời gian giảng dạy tại Đại học Huế, ông dày công sưu tầm, khảo đính và phục dựng các nguồn sử liệu thành văn, đồng thời chú trọng đối chiếu với những tư liệu thu nhận từ khảo sát thực địa. Từ nền tảng ấy, Trần Kinh Hòa đã góp phần đặt cơ sở cho việc nghiên cứu có hệ thống và khoa học hơn về gia phả, hành trạng, khuynh hướng sùng tín Phật giáo và vai trò chính trị của dòng họ Mạc trên vùng đất phương Nam.

Từ sau thập niên 1970, công cuộc khảo cứu về cộng đồng người Hoa hải ngoại và lịch sử giao lưu Trung Hoa - Đông Nam Á tiếp tục đạt được nhiều thành tựu đáng chú ý. Trong số đó, Giáo sư Trịnh Thụy Minh - 鄭瑞明 - một học giả người Đài Loan, đã công bố nhiều công trình chuyên sâu về lịch sử Hoa kiều, các mạng lưới di dân và hoạt động giao thương giữa Trung Hoa với các quốc gia Đông Nam Á, đặc biệt là Việt Nam. Những nghiên cứu ấy đã góp phần mở rộng trường nhìn, đưa lịch sử Hà Tiên và dòng họ Mạc ra khỏi khuôn khổ của một vấn đề địa phương, để đặt vào dòng chuyển động rộng lớn hơn của lịch sử hàng hải, di dân và thương mại khu vực.

Đến năm Bính Tý (1996), việc phổ biến nguồn tư liệu Hà Tiên trong giới học thuật Trung Quốc ghi nhận thêm một bước tiến đáng kể, khi Nhà xuất bản Sách cổ Trung Châu tại tỉnh Hà Nam cho ấn hành và giới thiệu các thư tịch Gia Định thành thông chí - 嘉定城通志 - và Hà Tiên trấn Hiệp trấn Mạc thị gia phả - 河仙鎮協鎮鄚氏家譜. Việc khảo đính, chú giải và phổ biến rộng rãi những văn bản chữ Hán có nguồn gốc từ Việt Nam đã mở thêm một con đường tiếp cận thuận lợi cho giới nghiên cứu Trung Quốc, đồng thời tạo động lực cho nhiều công trình

chuyên khảo về chính quyền Hà Tiên thời kỳ đầu dưới sự trị lý của dòng họ Mạc.

Kế thừa và tổng hợp những thành tựu nghiên cứu đi trước, công trình này được xây dựng trên cơ sở đối chiếu và hệ thống hóa nguồn tư liệu phong phú của cả Việt Nam lẫn Trung Hoa. Từ dòng sử liệu đa chiều ấy, người viết mong muốn từng bước tái hiện diện mạo lịch sử, đồng thời luận giải bản chất và vị thế của chính quyền Hà Tiên - "Cảng Khẩu Quốc" - trong thời kỳ phát triển rực rỡ nhất.

Thông qua việc khảo sát mạng lưới bang giao phức tạp giữa dòng họ Mạc với triều đình nhà Thanh, chính quyền chúa Nguyễn và các quốc gia trên bán đảo Đông Dương, công trình hướng đến một cách nhìn rộng mở, khách quan hơn về Hà Tiên: một thực thể chính trị - thương mại đặc thù, hình thành nơi giao điểm giữa lục địa và đại dương, giữa di dân và bản địa, giữa quyền lực khu vực và những tuyến thương mại quốc tế. Từ đó, người viết hy vọng có thể gợi mở thêm những suy tư mới về một mô hình quản trị kinh tế - chính trị đặc biệt trong lịch sử, đồng thời đóng góp một phần khiêm tốn vào cuộc đối thoại chung của giới học thuật.

4. Thư tịch đến điền dã: hành trình truy nguyên dòng họ Mạc

Trong những năm gần đây, người viết đã thực hiện nhiều chuyến khảo sát điền dã tại Hà Tiên, Việt Nam, và vùng Lôi Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung Hoa, với mục đích truy tìm nguồn gốc và khảo cứu toàn diện lịch sử tộc phả họ Mạc. Hành trình tầm nguyên ấy đã mang lại một số phát hiện tư liệu đáng chú ý, trong đó có những văn bia và gia phả quý hiếm được lưu giữ tại khu vực thờ tự tổ tiên họ Mạc ở Hà Tiên, cũng như tại nghĩa trang gia tộc ở thôn Đông Lĩnh, Lôi Châu.

Những tư liệu này, đặc biệt khi được đặt trong sự đối chiếu với hệ thống thư tịch truyền thế, có giá trị quan trọng đối với việc khảo chứng lịch sử dòng họ Mạc. Chúng không chỉ bổ sung thêm những chi tiết về nguồn gốc gia tộc, mà còn mở ra khả năng xem xét lại một số vấn đề liên quan đến hành trình Nam thiên của Cư sĩ Mạc Cửu, quan hệ huyết tộc, tín ngưỡng gia đình và quá trình hình thành cơ nghiệp Hà Tiên.

Trên cơ sở kế thừa có phê phán những thành quả nghiên cứu của các học giả tiền bối, đồng thời kết hợp nguồn thư tịch cổ với hệ thống chứng tích mới được phát hiện, công trình này sẽ từng bước tái dựng một cách có hệ thống hành trình lịch sử của dòng họ Mạc: từ nguồn gốc gia tộc, cuộc viễn hành về phương Nam của Cư sĩ Mạc Cửu, mối tình phụ tử và sự tiếp nối cơ nghiệp giữa nhị vị Cư

sĩ Phật tử Mạc Cửu với Mạc Thiên Tích, cho đến những chương thăng trầm của chính quyền Hà Tiên giữa vòng xoáy chính trị khu vực.

Từ điểm tựa tư liệu ấy, tác phẩm tiếp tục đi sâu khảo luận về mô hình chính thể Hà Tiên - "*Cảng Khẩu Quốc*" - trong thời kỳ hoàng kim, đặt thực thể này vào mối tương quan đa tầng với triều Thanh, chính quyền chúa Nguyễn, Chân Lạp, Xiêm La và toàn bộ cục diện chính trị trên bán đảo Đông Dương. Qua đó, người viết mong muốn đưa việc nghiên cứu lịch sử dòng họ Mạc tiến thêm một bước theo hướng hệ thống hơn, sâu sắc hơn và chuẩn xác hơn.

5. Hà Tiên: vùng biên hải nơi lục địa gặp đại dương

Hà Tiên - vùng đất nơi cực Tây Nam của Tổ quốc Việt Nam, tọa lạc tại vị trí địa lý đặc biệt trên dải duyên hải phía hạ lưu đồng bằng sông Cửu Long, hướng mặt ra Vịnh Thái Lan. Nơi đây là vùng chuyển tiếp tự nhiên giữa hệ thống sông ngòi nội địa và không gian biển rộng lớn; nơi những dòng nước từ lục địa tìm ra đại dương, và những tuyến hải hành từ biển khơi có thể tiếp cận miền đất phương Nam.

Chính vị trí ấy đã trao cho Hà Tiên một vai trò đặc biệt trong lịch sử. Đây không chỉ là vùng đất cuối trời của cương vực Việt Nam, mà còn là một cửa ngõ giao thương, một điểm nối giữa đồng bằng, biên giới, hải đảo và thế giới hàng hải rộng lớn của vùng vịnh Xiêm La. Ở Hà Tiên, địa lý không chỉ là phông nền của lịch sử, mà còn là một lực đẩy âm thầm tạo nên số phận của cả một thương cảng.

Ngược dòng thời gian về những tầng sâu xa của quá khứ, dải đất biên thùy này từng nằm trong không gian ảnh hưởng của Phù Nam, trước khi trải qua những biến chuyển lâu dài dưới ảnh hưởng của các vương triều Khmer, trong đó có Angkor. Trên nền địa lý và lịch sử giao thoa ấy, nhiều thế kỷ sau, Hà Tiên bước vào một chương sử mới - chương sử gắn liền với cuộc Nam thiên của Cư sĩ Mạc Cửu và sự hình thành của một thương cảng đặc biệt nơi góc biển phương Nam.

Từ một không gian biên viễn từng chịu ảnh hưởng của nhiều tầng văn hóa, Hà Tiên dần trở thành nơi hội tụ của các dòng người, dòng hàng hóa và dòng tín ngưỡng. Người Việt, người Hoa, cư dân Khmer bản địa, thương nhân đường biển, các cộng đồng tôn giáo và những thế lực chính trị khu vực cùng để lại dấu ấn nơi đây. Chính sự giao thoa ấy đã làm nên khí chất riêng của Hà Tiên: vừa là miền mở cõi của Đại Việt, vừa là cảng khẩu quốc tế; vừa là tiền đồn chính trị, vừa là không gian văn hóa - tôn giáo đa thanh; vừa thuộc về lịch sử Việt Nam, vừa tham dự vào những chuyển động rộng lớn của Đông Nam Á thế kỷ XVIII.

Trong trường nhìn ấy, lịch sử Hà Tiên không thể chỉ được đọc như câu chuyện của một vùng đất biên cương. Đó còn là câu chuyện về di dân, thương mại, Phật giáo, quyền lực, ngoại giao và nghệ thuật sinh tồn chính trị của một dòng họ giữa cơn bão địa chính trị khu vực. Từ nhị vị Cư sĩ Phật tử Mạc Cửu đến Mạc Thiên Tích, từ một cộng đồng lưu dân đến một chính thể cảng khẩu, từ một miền đất hoang sơ đến một trung tâm văn hiến nơi góc biển, Hà Tiên đã trở thành một trường hợp đặc biệt trong lịch sử mở cõi phương Nam.

6. Từ Óc Eo - Phù Nam đến Hà Tiên: lớp trầm tích giao thương của miền Tây Nam

Năm Giáp Thân (1944), nhà khảo cổ học Louis Malleret (1901-1970) - một học giả lớn từng giữ cương vị Giám đốc Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp đã tiến hành cuộc khai quật có ý nghĩa đặc biệt tại Óc Eo, một vùng đất nằm trong không gian lịch sử không xa Hà Tiên. Cuộc thám sát ấy đã mở ra một cánh cửa quan trọng để hậu thế nhìn sâu hơn vào những tầng văn hóa cổ đại của vùng hạ lưu sông Mê Kông.

Từ những lớp đất tưởng như lặng im, các dấu tích khảo cổ đã làm phát lộ hình ảnh của một trung tâm cư trú và giao thương từng hết sức sầm uất. Những di vật được phát hiện cho thấy Óc Eo đã phát triển mạnh trong bối cảnh Đông Nam Á bước vào thời kỳ giao lưu sâu rộng với văn minh Ấn Độ - một tiến trình thường được giới nghiên cứu gọi là "*Ấn Độ hóa*" - 印度化. Các tầng văn hóa sớm tại đây có thể truy nguyên về những thế kỷ đầu Tây lịch, trong đó giai đoạn khoảng thế kỷ II đến thế kỷ III là một thời kỳ đặc biệt đáng chú ý.

Những kết quả khảo cổ và nghiên cứu chuyên sâu cho thấy, ngay từ buổi đầu Tây lịch, khi diện mạo tự nhiên của vùng hạ lưu đồng bằng sông Mê Kông còn đang từng bước định hình, Óc Eo đã sớm trở thành một khu vực quần cư đông đúc. Nơi đây không đơn thuần là một trạm dừng chân trên tuyến giao thương giữa hai không gian văn minh lớn là Trung Hoa và Ấn Độ, mà còn là một mắt xích năng động trong mạng lưới trao đổi nội vùng và liên vùng trải rộng khắp Đông Nam Á.

Nhờ vị trí nằm trên những tuyến giao thông thủy quan trọng, kết nối miền nội địa Mê Kông với không gian biển phương Nam, Óc Eo từng bước vươn lên thành một đầu mối thương mại có tầm vóc. Thuyền buôn, hàng hóa và con người từ nhiều phương gặp gỡ tại đây, khiến vùng đất này mang dáng dấp của một cảng thị quốc tế cổ đại - một điểm sáng trên mạng lưới hàng hải mà hậu thế thường gọi là Con đường Tơ lụa trên biển.

Từ khoảng thế kỷ V đến thế kỷ VII, ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ tiếp tục thấm sâu vào đời sống tinh thần và văn hóa của cư dân trong khu vực. Trong dòng chảy ấy, tín ngưỡng thờ thần Shiva, hay Shaivism, giữ một vị trí đặc biệt quan trọng. Với quan niệm tôn thần Shiva là Đấng Tối cao, truyền thống này đã để lại nhiều dấu ấn trong đời sống tôn giáo, nghệ thuật và biểu tượng quyền lực của cư dân thuộc không gian văn hóa Phù Nam, trước khi chính thể này dần suy tàn vào khoảng thế kỷ VII.

Cũng trong những thế kỷ ấy, mạng lưới giao thương của Óc Eo với Ấn Độ, Sri Lanka và thế giới Đông Nam Á hải đảo ngày càng mở rộng. Từ một trung tâm cư trú ven vùng hạ lưu Mê Kông, Óc Eo trở thành điểm tập kết, trao đổi và phân phối hàng hóa quan trọng trong mạng lưới thương mại nối liền Biển Đông với Ấn Độ Dương.

Những tuyến thương mại ấy đồng thời mở rộng về phương Bắc. Các thương nhân Trung Hoa từng bước kết nối với mạng lưới thương nhân hoạt động trên Ấn Độ Dương, tạo nên những hành lang trao đổi hàng hóa xuyên biển. Trong vai trò trung gian, giới thương nhân thuộc không gian Phù Nam đã tham gia vào việc tập kết và luân chuyển nhiều sản vật quý từ các vùng xa xôi của thế giới cổ đại.

Hương liệu, nhựa thơm, mộc dược cùng nhiều nguyên liệu quý theo những đoàn thương thuyền vượt biển đến Đông Nam Á, rồi từ đây tiếp tục được trao đổi với Trung Hoa. Theo chiều ngược lại, tơ lụa, gấm vóc và những sản phẩm tinh xảo từ phương Bắc lại theo hải lộ lan tỏa xuống các thương cảng phương Nam. Hàng hóa đi qua Óc Eo không chỉ mang giá trị kinh tế, mà còn phản ánh sự chuyển động không ngừng của quyền lực, văn hóa và những quan hệ giao thương quốc tế thời cổ đại.

Chính sự vận động liên tục của hàng hóa, con người và tư tưởng đã làm nên sức sống đặc biệt của Óc Eo. Nơi đây không chỉ là một trung tâm kinh tế, mà còn là điểm gặp gỡ giữa nhiều thế giới văn minh: Ấn Độ và Trung Hoa, lục địa và hải đảo, Đông Nam Á và những vùng biển xa xôi phía Tây. Mỗi con thuyền cập bến không chỉ mang theo sản vật, mà còn chuyên chở ngôn ngữ, tín ngưỡng, nghệ thuật và những phương thức tổ chức xã hội mới.

Từ thế kỷ VII đến thế kỷ XIII, sau khi Phù Nam dần lui vào quá khứ, cục diện chính trị và văn hóa của vùng hạ lưu Mê Kông bước sang một thời kỳ chuyển biến sâu sắc. Các chính thể Khmer ngày càng lớn mạnh, đưa khu vực này lần lượt đi qua những chuyển động của thời kỳ Tiền Angkor, rồi tiến vào kỷ nguyên Angkor huy hoàng. Trên nền tảng ấy, vùng Tây Nam không ngừng tiếp nhận, biến đổi và dung hợp nhiều lớp ảnh hưởng văn hóa, tôn giáo và chính trị khác nhau.

Từ những tầng văn hóa Óc Eo nằm sâu dưới lòng đất đến bóng dáng của các vương triều Khmer về sau, miền Tây Nam đồng bằng sông Mê Kông đã trải qua hơn một thiên niên kỷ giao thoa và biến đổi. Đó là một không gian vừa thuộc về lục địa, vừa hướng ra biển; vừa gắn với cư dân bản địa, vừa mở ra trước những luồng thương mại và văn minh vượt đại dương.

Chính trên lớp trầm tích lịch sử dày đặc ấy, nhiều thế kỷ sau, Hà Tiên sẽ xuất hiện như một thương cảng mới nơi góc biển phương Nam. Sự trỗi dậy của Hà Tiên dưới thời nhị vị Cư sĩ Phật tử Mạc Cửu và Mạc Thiên Tích vì thế không phải là một hiện tượng biệt lập, mà là sự nối dài của một truyền thống giao thương, hội tụ và tiếp biến văn hóa đã hiện diện từ thời Óc Eo - Phù Nam. Nếu Óc Eo từng là cửa ngõ cổ đại của hạ lưu Mê Kông trên hải lộ quốc tế, thì Hà Tiên ở thế kỷ XVIII chính là một hình thái kế tục mới - nơi lịch sử mở cõi, thương mại biển, quyền lực khu vực và đời sống tôn giáo cùng gặp nhau giữa cơn chuyển động lớn của bán đảo Đông Dương.

7. Từ thủ lĩnh lưu vong đến vị "*quân vương*" tự trị vùng biển đảo Hà Tiên

Vùng đất Hà Tiên tọa lạc nơi cực Tây Nam của nước Việt, thuộc miền hạ lưu đồng bằng sông Mê Kông và hướng mặt ra vịnh Xiêm. Đây là dải duyên hải nơi sông biển giao hòa, nơi những dòng nước từ miền nội địa tìm ra đại dương, và những tuyến hải hành từ biển khơi nối liền với vùng châu thổ phương Nam. Ngược dòng lịch sử, miền đất này từng nằm trong không gian ảnh hưởng của vương quốc cổ Phù Nam, rồi trải qua nhiều thế kỷ chịu tác động sâu đậm của các vương triều Khmer, đặc biệt là thời kỳ Angkor hùng mạnh.

Năm Giáp Thân (1944), nhà khảo cổ học Louis Malleret thuộc Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp - EFEO - đã tiến hành một cuộc khai quật quan trọng tại Óc Eo, một di chỉ khảo cổ ở miền Nam Việt Nam, nằm không xa Hà Tiên. Từ những tầng sâu của lòng đất, ông đã làm phát lộ dấu tích của một đô thị cổ thuộc buổi đầu thời kỳ "*Ấn Độ hóa*", có niên đại vào khoảng thế kỷ II đến thế kỷ III sau Tây lịch.

Những kết quả nghiên cứu chuyên sâu về sau cho thấy, cư dân Óc Eo đã bắt đầu quần tụ và định cư trong khoảng từ thế kỷ I đến các thế kỷ III–IV, vào thời điểm quá trình bồi tụ và định hình địa chất của vùng đồng bằng châu thổ sông Mê Kông về cơ bản đã tạo nên những điều kiện thuận lợi cho đời sống cư trú và giao thương. Từ một miền đất nằm giữa mạng lưới sông rạch chằng chịt, Óc Eo dần vươn mình thành một trung tâm quần cư đông đúc, mở đầu cho một thời kỳ phát triển rực rỡ của văn minh cổ nơi hạ lưu Mê Kông.

Nhờ vị thế địa lý đắc địa, nơi đây sớm thiết lập những mối giao thương thường xuyên với Ấn Độ và nhiều vùng đất thuộc Đông Nam Á. Óc Eo không chỉ giữ vai trò như một hồng tâm thương mại, nơi gặp gỡ và kết nối giữa hai không gian văn minh lớn Trung Hoa - Ấn Độ, mà còn trở thành một thương cảng đầu mối trọng yếu trên tuyến Con đường Tơ lụa trên biển thuở xưa.

Bước sang các thế kỷ V–VII, khu vực này ngày càng chịu ảnh hưởng sâu đậm của làn sóng "*Ấn Độ hóa*". Trong dòng chuyển động văn hóa và tín ngưỡng ấy, Shiva giáo giữ một địa vị đặc biệt quan trọng trong đời sống tôn giáo của cư dân bản địa cho đến thời kỳ vương quốc Phù Nam suy vong vào khoảng thế kỷ VII.

Cũng trong giai đoạn này, mạng lưới giao lưu giữa Óc Eo với Ấn Độ, Sri Lanka và thế giới Đông Nam Á hải đảo bước vào thời kỳ phát triển cực thịnh. Thương cảng trở thành một điểm tập kết và trung chuyển hàng hóa sầm uất, đồng thời là nơi dừng chân của những đoàn thương nhân vượt muôn trùng sóng gió từ không gian Ấn Độ Dương tìm đến miền hạ lưu Mê Kông.

Ngay tại bến cảng phồn thịnh ấy, các thương nhân Trung Hoa cũng lần lượt tìm đến, kết nối với mạng lưới mậu dịch rộng lớn của thế giới Ấn Độ Dương. Giới thương nhân Phù Nam bấy giờ đã khéo léo tham gia vào những tuyến giao thương xuyên biển, thu gom và luân chuyển nhiều sản vật quý từ Địa Trung Hải, Ấn Độ, Trung Đông và châu Phi - như nhũ hương, mộc dược cùng các loại nhựa thơm quý dùng trong việc chế tác hương liệu và nước hoa - rồi theo hải lộ đưa sang Trung Hoa để trao đổi lấy tơ lụa, gấm vóc thượng hạng.

Những đoàn thương thuyền nối nhau qua lại, mang theo không chỉ vàng bạc, hương liệu và tơ lụa, mà còn chuyên chở cả tín ngưỡng, ngôn ngữ, nghệ thuật và phong tục của nhiều nền văn minh. Chính trong dòng giao lưu không ngừng ấy, Óc Eo đã trở thành một điểm hội tụ đặc biệt giữa Đông và Tây, giữa lục địa và đại dương, để lại một tầng trầm tích văn hóa sâu dày trong lịch sử vùng đất phương Nam.

Từ thế kỷ VII đến thế kỷ XII, cùng với sự trỗi dậy và mở rộng ảnh hưởng của các vương triều Khmer, khu vực Óc Eo dần bước sang một chương sử mới, chuyển mình vào dòng chảy của thời kỳ Tiền Angkor và tiếp đó là kỷ nguyên Angkor huy hoàng. [1], tr. 69, 248.

Từ thế kỷ XV, vùng biển Hà Tiên cùng các miền hải cận đã sớm trở thành một đầu mối giao thương hàng hải nhộn nhịp, giữ mối liên hệ mật thiết với dải duyên hải Đông Nam Trung Hoa dưới thời Minh - Thanh. Những tuyến hải trình xuyên biển nối liền Hoa Nam với các quốc gia Đông Nam Á đã đưa thuyền buôn, sứ đoàn và những đoàn viễn dương qua lại không ngừng trên vùng biển phía

Tây Nam, khiến hải phận Hà Tiên từng bước trở thành một mắt xích đáng chú ý trong mạng lưới giao thông biển khu vực.

Trong chuyến viễn dương lần thứ bảy vào năm Tuyên Đức thứ năm (Canh Tuất-1430), đoàn bảo thuyền của đô đốc hải quân, nhà thám hiểm và nhà ngoại giao kiệt xuất của Trung Quốc dưới thời nhà Minh, Trịnh Hòa (1371-1433)- đã tiến hành cuộc hải hành quy mô lớn về phương Nam. Theo dấu những tuyến đường được ghi nhận trong hệ thống hải đồ đương thời, một phân đội của đoàn thuyền đã tiến vào vùng hải vực gần Hà Tiên, nơi quần đảo và hải đảo phân bố dày đặc giữa vịnh Xiêm và vùng biển phía Nam bán đảo Đông Dương.

Bản đồ hàng hải Trịnh Hòa - 鄭和航海圖 - đã lưu dấu khá rõ hệ thống đảo và quần đảo đan xen trên tuyến hải trình này. Những địa danh ấy không chỉ là ký hiệu địa lý, mà còn phản ánh mức độ thường xuyên của hoạt động hàng hải và vận tải biển thời bấy giờ.

Đại Hoành Sơn - 大橫山 - là danh xưng cổ dùng để chỉ đảo hoặc quần đảo Thổ Chu ngày nay, một vị trí trọng yếu trên vùng biển Tây Nam Việt Nam.

Tiểu Hoành - 小橫 - tức Koh Wai (hay còn gọi là Poulo Wai, hòn Quai) là một nhóm gồm hai đảo nhỏ nằm ở vùng biển phía Đông Bắc Vịnh Thái Lan. Hiện nay, quần đảo này thuộc chủ quyền và sự quản lý của Campuchia.

Chân Dữ - 真嶼 - là tên gọi cổ được dùng để chỉ cụm đảo Hòn Khoai, nằm trên tuyến hải hành về phía tây nam Côn Lôn Sơn, tức quần đảo Côn Đảo ngày nay.

Những dấu vết trên hải đồ cho thấy vùng biển phía Nam không phải là một khoảng không xa vắng, mà từ rất sớm đã nằm trên những tuyến hàng hải được người đi biển nhận biết, ghi chép và truyền lại. Giữa muôn trùng sóng nước, các đảo lớn nhỏ vừa là dấu mốc định hướng, vừa là những điểm nhận diện quan trọng giúp thương thuyền xác lập hải trình khi vượt qua vùng biển phía Nam bán đảo Đông Dương.

Sự tấp nập của tuyến hàng hải này tiếp tục được phản ánh trong các thư tịch và hải đồ thuộc những thế kỷ sau. Theo Quảng Đông chí Tiêm La thành hải đạo trình đồ - 廣東至暹羅城海道程圖 - được lập vào năm Càn Long thứ ba mươi bốn 1769, tuyến hải hành từ Quảng Đông đi về phía Xiêm La, sau khi vượt qua vùng biển phía tây Côn Lôn Sơn, lần lượt đi qua nhiều địa danh hàng hải quan trọng.

Chân Thự Sơn - 真薯山 - còn được ghi dưới những tên gọi như Chân Dữ, Chân Từ hoặc Chân Từ Đầu, tương ứng với Hòn Khoai ở vùng cực Nam Việt Nam ngày nay.

Đại Hoành Sơn - 大橫山 - tức đảo Thổ Chu của Việt Nam, tọa lạc trên vùng biển phía Tây Nam Hà Tiên, giữ vị trí như một dấu mốc quan trọng trên hải trình tiến sâu vào vịnh Xiêm.

Bút Giá Sơn - 筆架山 - là một địa danh nằm sâu trong vịnh Xiêm, nhiều khả năng tương ứng với đảo Khram thuộc vùng biển Thái Lan ngày nay.

Qua sự đối chiếu giữa Bản đồ hàng hải Trịnh Hòa thời Minh và Quảng Đông chí Tiêm La thành hải đạo trình đồ thời Thanh, có thể nhận thấy một tuyến hải hành lâu đời đã được duy trì liên tục qua nhiều thế kỷ. Từ vùng duyên hải Quảng Đông, thương thuyền xuôi xuống Côn Lôn Sơn, vượt qua Chân Dữ - Hòn Khoai, lấy Đại Hoành Sơn - Thổ Chu làm dấu mốc, rồi tiếp tục tiến sâu vào vịnh Xiêm.

Chính trên trục hải hành cổ xưa ấy, vùng biển Hà Tiên hiện lên như một cửa ngõ tự nhiên nối liền Hoa Nam với bán đảo Đông Dương và thế giới Đông Nam Á hải đảo. Những cánh buồm từng qua lại giữa các đảo ngoài khơi không chỉ chuyên chở hàng hóa, mà còn mang theo con người, ngôn ngữ, tín ngưỡng và phong tục từ nhiều phương trời.

Dòng giao thương biển cả âm thầm kéo dài qua nhiều thế kỷ ấy đã chuẩn bị những điều kiện lịch sử quan trọng để về sau, Hà Tiên vươn mình thành một thương cảng phồn thịnh - "*Cảng Khẩu Quốc*" nơi góc biển phương Nam. Trên nền địa lý mở ra biển lớn, trên lớp trầm tích văn hóa Óc Eo - Phù Nam - Khmer và trong nhịp chuyển động của hải thương Minh - Thanh, sự xuất hiện của Cư sĩ Mạc Cửu ở Hà Tiên vào cuối thế kỷ XVII không còn là một biến cố đơn lẻ, mà là điểm hội tụ của những dòng chảy lịch sử lâu dài: di dân, thương mại, quyền lực và khát vọng dựng nghiệp nơi miền biên hải.



Quang cảnh ngày nay của biển đảo Hà Tiên (Kiên Giang cũ, nay là tỉnh An Giang) chụp từ trên cao. Ảnh sưu tầm.

Cuối thập niên 1950, Hướng Đạt tiên sinh - 1900–1966, một học giả lỗi lạc của nền sử học, khảo cổ học và Đôn Hoàng học Trung Hoa hiện đại, đã tiến hành hiệu đính, chỉnh lý bộ Lưỡng chủng hải đạo châm kinh - 兩種海道針經. Công trình này gồm hai quyển Thuận phong tương tống - 順風相送 - và Chỉ nam chính pháp - 指南正法, nguyên bản được lưu giữ tại Thư viện Bodleian thuộc Đại học Oxford, Vương quốc Anh.

Nội dung của hai bộ hải đạo châm kinh ấy tập hợp những ghi chép đặc biệt phong phú về mạng lưới hải trình nối liền vùng duyên hải Trung Hoa - từ Giang Tô, Chiết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông đến Đài Loan - với Đông Dương và Tây Dương trong khoảng từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII. Qua đó, người đọc có thể hình dung khá rõ một thế giới hàng hải rộng lớn, nơi những tuyến thương thuyền, những dòng di dân và các mối giao lưu văn hóa không ngừng chuyển động trên biển cả phương Nam.

Trong quyển Thuận phong tương tống, thiên Các xứ châu phủ sơn hình thủy thế thâm thiển ni sa địa tiểu thạch chi đồ - tức bản đồ ghi chép hình thế núi non, hướng chảy sông nước, độ nông sâu, bãi bùn cát cùng các vùng đá ngầm tại các châu phủ - đã ghi nhận những địa danh như Đại Hoành Sơn, Tiểu Hoành Sơn và Bút Giá Sơn nằm về phía dưới Côn Lôn Sơn. Đây chính là không gian hải vực trải dài từ vùng biển Hà Tiên đến Chanthaburi ngày nay.

Song song với đó, những ghi chép về các tuyến hải trình khứ hồi giữa Phúc Kiến, Campuchia và Xiêm La; tuyến đường từ Nam Cảng của Campuchia đi Bút Giá rồi hướng về phía tây Bành Phường; cùng các chương mục khảo sát hình thế sông ngòi, hải đảo tại Đại Minh Đường Sơn và hai tuyến Đông – Tây Dương trong Chỉ nam chính pháp, đều cho thấy mạng lưới hàng hải đương thời đã phát triển hết sức rộng lớn và chặt chẽ.

Qua những ghi chép ấy, có thể nhận thấy rằng nhiều tuyến giao thương biển trọng yếu thời bấy giờ - kể cả những hải trình liên kết với Nhật Bản và Nagasaki - đều có mối liên hệ mật thiết với vùng biển rộng lớn phía Nam Việt Nam. Trong mạng lưới hải đạo ấy, hải phận Hà Tiên giữ một vị trí đáng kể, như một cửa ngõ tự nhiên trên tuyến đường tiến vào vịnh Xiêm và các thương cảng thuộc bán đảo Đông Dương. [4], tr. 35–36, 50–51, 81–82, 83, 120–121, 171–172, 174–175, 181.

Giữa lúc những tuyến hải hành ấy đã nối liền bờ biển Hoa Nam với miền Nam Dương qua nhiều thế kỷ, một biến cố lớn trong lịch sử Trung Hoa lại đưa một người con đất Lôi Châu xuôi thuyền về phương Nam. Đó là cuộc đổi thay triều đại Minh - Thanh, với những chấn động chính trị, xã hội và tâm lý sâu xa trong lòng cộng đồng người Hoa ven biển.

Năm Tân Hợi 1671, nhằm niên hiệu Khang Hy thứ mười triều Thanh, Cư sĩ Phật tử Mạc Cửu - người thôn Đông Lĩnh, huyện Hải Khang, phủ Lôi Châu, tỉnh Quảng Đông - vì "*không chịu nổi nạn xâm nhiễu hỗn loạn của giặc Hồ*", đã quyết định chỉnh túc hành trang, vượt biển xuôi Nam, tìm nơi lánh nạn tại Vương quốc Chân Lạp. [5], tr. 83.

Buổi đầu đặt chân đến Chân Lạp, ông dừng lại tại vùng Nam Vinh, tức Phnom Penh - thủ đô Phnôm Pênh của Campuchia ngày nay. Với tài năng giao tiếp, sự khôn khéo trong xử thế và bản lĩnh của một người từng trải qua thời loạn, Mạc Cửu chẳng bao lâu đã tạo dựng được niềm tin nơi triều đình Chân Lạp. Ông được tự do ra vào vương cung Oudong - Ô Đông - và dần được đấng quân chủ đương thời trọng dụng.

Không lâu sau, nhận thấy vùng Mang Khảm có địa thế thuận lợi, lại hội đủ tiềm năng để quy tụ thương lữ và mở mang giao thương, Cư sĩ Mạc Cửu bắt đầu tính kế lập nghiệp lâu dài. Ông khéo léo vận động thông qua các bậc sủng phi và cận thần trong triều, dâng tấu xin quyền cai quản vùng đất Mang Khảm. Ý nguyện của ông là chiêu tập thương nhân bốn phương, mở mang phố chợ, khơi thông mạch nguồn mậu dịch; qua đó vừa phát triển vùng đất mới, vừa góp phần gia tăng nguồn lợi kinh tế cho triều đình Chân Lạp.

Quốc vương Chân Lạp (Campuchia) nghe tấu, lấy làm vui mừng, liền chuẩn thuận sở thỉnh và ban cho Cư sĩ Mạc Cửu chức Ốc nha - Oknha. [5], tr. 33–34. Đây là một phẩm tước quan trọng trong hệ thống quan chế Chân Lạp, mang ý nghĩa của một vị trưởng quan hoặc người đứng đầu cai quản địa phương; nếu đối chiếu theo quan chế Đông Á đương thời, có thể gần với chức Phủ doãn hoặc Thái thú.

Mang Khảm vốn là địa danh cổ, được xem như tiền thân của vùng đất Hà Tiên ngày nay. Trong dân gian thuở ấy, nơi đây còn được gọi là thành Trúc Phiên, trấn Đồng Trụ; khi chuyển dịch sang Hán tự, lại có danh xưng Phương Thành.

Theo công trình khảo cứu của Trần Kinh Hòa tiên sinh – 1917-1995 - một học giả nổi tiếng trong lĩnh vực Đông phương học và Việt Nam học, những âm danh như "*Phương*", "芳" hoặc "*Phiên*", khi đối chiếu với cổ ngữ Khmer, có thể liên hệ với các âm Băn, Pare hoặc Peam, mang ý nghĩa chỉ cảng khẩu, cửa biển. Cách lý giải ấy phần nào phản ánh bản chất địa lý đặc thù của vùng đất này: một miền cửa biển nằm giữa sông nước và đại dương, từ rất sớm đã mang trong mình thiên tính của một thương cảng.

Về sau, giữa không gian sơn thủy hữu tình, lại lưu truyền huyền tích rằng trên dòng giang hà nơi đây thường có tiên nhân ẩn hiện. Từ câu chuyện nhuốm màu

kỳ ảo ấy, vùng đất Mang Khảm dần được khoác lên một danh xưng mới, vừa thanh nhã vừa giàu thi vị: Hà Tiên.

Về sự kiện Cư sĩ Phật tử Mạc Cửu xin quyền cai quản dải đất Mang Khảm, cổ tịch Gia Định thành thông chí đã lưu lại những dòng ghi chép sinh động:

"*Thấy phủ Sài Mạt nước ấy có Hoa dân, Đường nhân, Cao Man, Chà Và các nước tụ họp, mở sòng đánh bạc, thu thuế, gọi là 'Hoa Chi', bèn thầu mua sắc thuế ấy. Lại đào được hố bạc nên bỗng chốc trở nên giàu có. Ông bèn chiêu mộ lưu dân Việt Nam đến các nơi như Phú Quốc, Lũng Kỳ, Cần Bột, Vũng Thơm, Rạch Giá, Cà Mau để lập nên bảy thôn xã*."

Những dòng sử liệu ngắn gọn ấy đã hé mở một bức tranh rộng lớn về công cuộc khai phá và tổ chức cư dân của Cư sĩ Mạc Cửu. Từ một vùng đất cửa biển còn thưa vắng, ông từng bước quy tụ Hoa dân, Việt dân, Cao Miên và các cộng đồng thương nhân hải ngoại, biến Mang Khảm thành nơi hội tụ của người và của, của những đoàn lưu dân đi tìm đất sống và những thương lữ vượt biển tìm kiếm cơ hội giao thương.

Qua công tác đối chiếu địa chí, địa danh Phú Quốc trong thư tịch chính là đảo Phú Quốc ngày nay. Lũng Kỳ tương ứng với vùng Kep thuộc Campuchia; Cần Bột là Kampot, sử cũ còn chép là Cống Bất; Vũng Thơm tương ứng với vùng cảng Ream, tức Vân Nhượng trong một số nguồn Hán văn cổ.

Về phía bờ cõi Việt Nam, Rạch Giá xưa được ghi bằng danh xưng Địch Thạch, còn Cà Mau mang tên chữ là Kim Âu. Những địa danh ấy, khi được đặt nối tiếp nhau trên bản đồ, đã phác họa một không gian duyên hải rộng lớn, kéo dài từ vùng vịnh Sihanoukville - Kompong Som - của Campuchia, qua Kep, Kampot, Phú Quốc và Hà Tiên, rồi men theo bờ biển Tây Nam đến Rạch Giá, tận cùng ở mũi Cà Mau.

Nhìn trên toàn cục, phạm vi sinh tồn và phát triển của bảy thôn xã sơ khai đã hình thành nên một vòng cung duyên hải dài hơn hai trăm cây số. Đó không chỉ là địa bàn khẩn hoang của những đoàn lưu dân mới đến, mà còn là một không gian kinh tế - hàng hải liên hoàn, nơi các cửa sông, hải đảo và thương cảng gắn kết với nhau bằng những tuyến đường thủy tự nhiên.

Chính trên dải duyên hải mênh mang ấy, bằng tài chiêu dân, khẩn địa và khai thông thương lộ, Cư sĩ Mạc Cửu đã từng bước đặt những viên đá đầu tiên cho cơ nghiệp Hà Tiên. Từ một Mang Khảm nơi góc biển, một chính thể thương cảng dần thành hình; và từ những cánh buồm vượt sóng phương Nam, "*Cảng Khẩu Quốc*" Hà Tiên bắt đầu bước lên vũ đài lịch sử của bán đảo Đông Dương.

Khoảng năm Kỷ Mùi 1679, nhằm niên hiệu Khang Hy thứ mười tám, lấy cớ viện trợ cho Nặc Ông Thu (tên húy là Ang Sor hoặc Ang Saur, 1656–1725), tức Chey Chettha IV - vị Chính vương đang đóng đô tại Long Úc, Oudong, ở miền Bắc Chân Lạp - vương quốc Xiêm La phát binh tiến về phương Đông. Trước sức công phá dữ dội của quân Xiêm, Hà Tiên thất thủ. Cư sĩ Phật tử Mạc Cửu bị bắt, giải về kinh quốc Xiêm La và buộc phải cư trú một thời gian tại vùng Vạn Tuế Sơn Hải Tân, còn gọi là Vạn Tuế Sơn Hải Ngạn - danh xưng cổ trong thư tịch Việt Nam dùng để chỉ hải cảng Muang Galapuri, tức Phetchaburi của Xiêm La đương thời.

Đến năm Mậu Thìn 1688, niên hiệu Khang Hy thứ hai mươi bảy, nhân lúc nội tình Xiêm La xảy ra biến loạn, Cư sĩ Mạc Cửu cùng những tùy tùng thân tín bí mật đào thoát, tìm đường trở về vùng Lũng Kỳ, tức Kep của Campuchia ngày nay. Ít lâu sau, hiền thê của ông là nữ cư sĩ Phật tử Bùi Thị Lẫm sinh hạ người con trai Mạc Thiên Tứ - nhân vật về sau sẽ kế tục xứng đáng sự nghiệp mở cõi của dòng họ Mạc, đưa Hà Tiên bước vào một thời kỳ thịnh đạt về chính trị, kinh tế, văn hóa và Phật giáo.

Khoảng năm Canh Thìn 1700, niên hiệu Khang Hy thứ ba mươi chín, Mạc Cửu chính thức trở lại Hà Tiên. Cựu thư từng ghi nhận: “*Thương nhân và lữ khách khắp bốn phương từ xa nghe danh tiếng nhân từ, ân đức của Thái Công, đều đem lòng mến mộ mà tìm về quy phục.*” Nguyên văn chữ Hán chép: “四方商旅遠聞太公仁聲德澤□ 皆慕來歸.”

Từ cột mốc lịch sử ấy, vị thủ lĩnh họ Mạc trọn đời gắn bó với Hà Tiên, dốc lòng xây dựng vùng đất biên hải này thành một trung tâm phồn thịnh nơi cực Nam đất Việt. Uy tín của ông không chỉ đến từ tài năng kinh doanh hay khả năng tổ chức chính trị, mà còn từ đức độ, sự khoan hòa và tinh thần chiêu hiền đãi sĩ. Chính vì vậy, Hà Tiên trở thành nơi người bốn phương tìm về, vừa để an cư, vừa để mưu sinh, vừa để nương nhờ vào một trật tự mới đang hình thành nơi góc biển.

Tuy nhiên, Hà Tiên bấy giờ có địa thế thấp phẳng, phía Nam tiếp giáp biển lớn, bốn bề lại trống trải, thiếu thành lũy thiên nhiên che chắn. Vùng đất ấy vừa nằm sát một Xiêm La nhiều tham vọng, vừa kề cận thế lực chúa Nguyễn ở Thuận - Quảng đang từng bước mở rộng ảnh hưởng về phương Nam. Trong khi đó, vương quốc Chân Lạp - nơi Cư sĩ Mạc Cửu từng nương tựa - đã suy yếu, nghèo nàn, nội bộ lại nhiều phen rơi vào cảnh hai vua tranh giành, xâu xé lẫn nhau.

Nhìn rõ thế cuộc, Cư sĩ Mạc Cửu hiểu rằng Chân Lạp khó có thể là điểm tựa lâu dài cho Hà Tiên. Muốn giữ đất, an dân và bảo toàn cơ nghiệp, ông buộc phải tìm

đến sự bảo hộ của một thế lực mạnh hơn. Từ đó, ánh mắt của người thủ lĩnh họ Mạc hướng về chính quyền chúa Nguyễn ở An Nam - một thế lực đang trỗi dậy mạnh mẽ từ vùng Thuận - Quảng.

Kể từ khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa vào giữa thế kỷ XVI, họ Nguyễn từng bước xây dựng một cơ sở chính trị, quân sự và kinh tế vững chắc ở phương Nam. Từ Thuận Hóa đến Quảng Nam, chính quyền Đàng Trong ngày càng mở rộng quyền lực, hình thành vị thế phân đình kháng lễ với họ Trịnh ở phương Bắc - thế lực đang nắm giữ triều đình Hậu Lê. Lịch sử Đại Việt từ đó bước vào thời kỳ Trịnh - Nguyễn phân tranh, một giai đoạn đầy biến động nhưng cũng mở ra những chuyển dịch lớn lao trong tiến trình Nam tiến.

Trương Nhiếp, một nhân sĩ sống dưới thời Vạn Lịch nhà Minh, từng ghi chép rằng Quảng Nam có uy quyền lớn đối với các vùng phụ cận, vị thế gần như ngang hàng với Đông Kinh ở Đàng Ngoài. Thuyền buôn khắp nơi tập trung về Tân Châu; những người quản lý địa phương phải vượt đường xa nhiều ngày mới đến được Quảng Nam để tiến cống. Chính quyền Quảng Nam còn cấp bài gỗ cho dân chúng từ xa, và khi người mang bài đi qua các trạm, tuyệt nhiên ít ai dám xâm phạm.

Tuy nhiên, xét về cương vực, nhân khẩu và tài nguyên, chúa Nguyễn ở phương Nam vẫn ở thế yếu so với chúa Trịnh ở phương Bắc. Để tích lũy thực lực, các đời chúa Nguyễn không ngừng đẩy mạnh chính sách Nam tiến. Theo tiến trình ấy, Đàng Trong lần lượt mở rộng xuống các vùng đất của Chiêm Thành: lập dinh Phú Yên năm 1611, thu phục vùng Phan Rang, Phan Rí, rồi đến cuối thế kỷ XVII đặt phần lãnh thổ còn lại của Chiêm Thành dưới quyền kiểm soát, lập trấn Thuận Thành vào năm Quý Dậu (1693).

Cùng lúc đó, tầm ảnh hưởng của chúa Nguyễn cũng lan dần đến vùng Gia Định thuộc Chân Lạp. Mùa xuân năm Mậu Dần 1698, Quốc chúa, Bồ Tát Minh Vương Nguyễn Phúc Chu (1675–1725) là vị chúa Nguyễn thứ sáu của chính quyền Đàng Trong sai Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh (1650-1700) vào kinh lược miền Nam, thiết lập phủ Gia Định, chính thức đặt định bộ máy hành chính của người Việt tại vùng đất này.

Chính trong bối cảnh ấy, lựa chọn quy phục chúa Nguyễn của Cư sĩ Mạc Cửu về sau không chỉ là một hành động cầu viện đơn thuần, mà là một quyết sách chiến lược. Đối với Hà Tiên, đó là con đường tìm kiếm sự bảo hộ quân sự và chính danh chính trị để tồn tại giữa Xiêm La, Chân Lạp và Đại Việt. Đối với chúa Nguyễn, việc tiếp nhận Hà Tiên lại mở ra một cánh cửa quan trọng trên vùng biển Tây Nam, góp phần hoàn chỉnh thế đứng của Đàng Trong trong tiến trình mở cõi phương Nam.

Từ một thủ lĩnh lưu vong rời đất Lôi Châu giữa cơn biến động Minh - Thanh, Cư sĩ Mạc Cửu đã từng bước trở thành người kiến tạo một chính thể cảng khẩu giàu sức sống nơi góc biển Hà Tiên. Ông không xưng vương theo nghĩa chính thống của các triều đại, nhưng trong thực tế đã giữ vai trò như một vị "*quân vương*" tự trị của vùng biển đảo này: chiêu dân, lập ấp, mở chợ, thu thuế, tổ chức phòng vệ, điều hòa các cộng đồng cư dân và ứng xử giữa những thế lực lớn.

Chính nơi đây, lịch sử Hà Tiên bắt đầu bước vào một chương đặc biệt: chương sử của di dân và mở cõi, của Phật giáo và văn hóa, của hải thương và quyền lực, của một dòng họ biết nương theo thời cuộc để dựng nên cơ nghiệp giữa cơn bão địa chính trị thế kỷ XVII–XVIII.

8. Quyết sách quy phục chúa Nguyễn và tầm nhìn kiến thiết Hà Tiên

Chính trong bối cảnh địa - chính trị rộng lớn và đầy biến động ấy, Mạc Cửu buộc phải đưa ra một lựa chọn có ý nghĩa sống còn đối với tương lai Hà Tiên.

Sau khi trở lại Hà Tiên để tiếp tục công cuộc khai phá, ông được mưu sĩ Tô Công hiến một kế sách sâu xa. Đại ý rằng lòng dân Khmer khó quy tụ lâu dài, nội tình Chân Lạp lại nhiều phen bất ổn; nếu cứ nương tựa vào một thế lực đang suy yếu, cơ nghiệp Hà Tiên khó tránh khỏi cảnh chông chênh giữa những cơn sóng dữ của thời cuộc. Chi bằng đem vùng đất đang cai quản xin quy phục Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu, nguyện làm bề tôi trung thành để nhận lấy sự che chở của chính quyền Đàng Trong. Như thế, trong dòng xoáy đầy biến động của thời Lê Trung Hưng, Hà Tiên vừa có chỗ đứng vững vàng, vừa có hậu thuẫn khi lâm nguy.

Thấu hiểu thời cuộc, Cư sĩ Mạc Cửu thuận theo kế sách ấy. Tháng tám năm Mậu Tý, tức khoảng tháng 9 năm 1708, ông sai thuộc hạ đến phủ Phú Xuân bái kiến Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu - vị chúa được Phật giáo sử Việt Nam tôn xưng là Bồ Tát Minh Vương - để dâng đất xin quy phục. Sách Gia Định thành thông chí, phần Cương vực chí - Hà Tiên trấn, chép rằng chúa Nguyễn cả mừng, chuẩn thuận lời cầu phong, sắc phong cho cư sĩ Mạc Cửu giữ chức Tổng binh trấn Hà Tiên, ban tước Cửu Ngọc hầu và cho phép gia tộc họ Mạc tiếp tục thế tập cai quản vùng đất này.

Từ bước ngoặt ấy cho đến khi vương triều Tây Sơn trỗi dậy, chính quyền họ Mạc ở Hà Tiên vẫn giữ đạo thần thuộc đối với các chúa Nguyễn. Trên danh nghĩa, Hà Tiên chính thức được đặt vào bản đồ chính trị của nước Việt; nhưng trong thực tế, do điều kiện lịch sử, địa lý và dân cư đặc thù, vùng đất này vẫn duy trì một

cơ chế tự trị tương đối rộng rãi dưới quyền điều hành của dòng họ Mạc.

Có được điểm tựa chính trị vững vàng, Cư sĩ Mạc Cửu dồn tâm lực xây dựng Hà Tiên. Ông đẩy mạnh chính sách chiêu mộ lưu dân, khuyến khích những người từ nhiều phương đến khai khẩn, lập nghiệp. Đồng thời, ông thực thi nhiều biện pháp an dân tiến bộ: giảm nhẹ tô thuế, phân chia ruộng đất cho dân bản địa, cấp phát nông cụ, khuyến khích khai phá đất hoang và xây dựng hệ thống thủy lợi. Nhờ những chính sách ấy, những dải rừng rậm và vùng đầm lầy hoang vu dần biến thành xóm làng, ruộng vườn và những cánh đồng thâm canh trù phú.

Bên cạnh nông nghiệp, Cư sĩ Mạc Cửu đặc biệt có tầm nhìn chiến lược trong việc mở mang thương nghiệp. Ông áp dụng chính sách thuế quan ưu đãi, mở cửa thông thoáng cho tàu thuyền ngoại quốc, thúc đẩy giao thương quốc tế đến mức "*thu hút các nước hải ngoại, khiến tàu bè nối đuôi nhau kéo đến*". Nhờ vị trí nằm trên những tuyến hàng hải quan trọng của khu vực, Hà Tiên dần trở thành nơi hội tụ của thương nhân bốn phương.

Vận dụng kinh nghiệm quản lý kinh doanh truyền thống của cộng đồng Hoa thương, Cư sĩ Mạc Cửu phân định hoạt động thương mại thành nhiều tầng nấc. Đại thương đảm trách các tuyến mậu dịch viễn dương đường dài; trung thương và tiểu thương điều hành mạng lưới thương mại nội địa tại địa phương; còn quan thương nắm giữ những mặt hàng chiến lược hoặc những hoạt động ngoại thương chịu sự kiểm soát của chính quyền. Nhờ cách tổ chức ấy, Hà Tiên không chỉ là vùng đất khai khẩn nơi biên viễn, mà từng bước mang dáng dấp của một thương cảng quốc tế năng động.

Không dừng lại ở đó, tư duy mở cõi của họ Mạc còn vươn đến các cường quốc hàng hải đương thời. Trong hai năm 1728 và 1729, Cư sĩ Mạc Cửu liên tiếp phái hai sứ giả Lưu Vệ Quan và Hoàng Tập Quan sang Nhật Bản để bang giao với Mạc phủ Tokugawa, chính quyền quân sự cuối cùng cai trị Nhật Bản (1603-1868). Chuyến đi đạt kết quả tốt đẹp khi đoàn sứ bộ xin được "*tín bài*" - một loại giấy phép thương mại chính thức - qua đó mở ra tuyến hải hành thông thương giữa Hà Tiên và xứ sở Phù Tang.

Tầm nhìn vượt thời đại của Cư sĩ Mạc Cửu không phải là điều ngẫu nhiên. Nó được hun đúc từ những chuyến hải hành vạn dặm thời trẻ. Ông từng đi qua Manila ở Philippines, khi ấy thuộc quyền cai trị của Tây Ban Nha, và đặt chân đến Batavia, tức Jakarta ngày nay - thủ phủ sầm uất của Đông Ấn Hà Lan. Chính tại những thương cảng thuộc địa phương Tây ấy, Cư sĩ Mạc Cửu có cơ hội tận mắt quan sát phương thức quản trị hành chính, cơ chế thuế quan, chính sách kích thích thương mại và nghệ thuật tổ chức cảng thị của người châu Âu.

Những trải nghiệm ấy về sau trở thành chất liệu thực tiễn để ông vận dụng một cách linh hoạt vào công cuộc kiến thiết Hà Tiên. Ông không sao chép máy móc mô hình phương Tây, mà biết kết hợp kinh nghiệm thương mại quốc tế, phương thức quản lý của Hoa thương và điều kiện thực tế của vùng đất phương Nam để tạo nên một cơ chế điều hành cởi mở, thực dụng và hiệu quả. Nếu dùng ngôn ngữ ngày nay để hình dung, Hà Tiên dưới thời họ Mạc phần nào mang dáng dấp của một "*đặc khu kinh tế*" nơi biên hải: lấy thương mại làm động lực, lấy giao lưu hàng hải làm sức sống, và lấy sự dung nạp nhiều cộng đồng làm nền tảng phát triển.

Nguồn lợi lớn từ hoạt động mậu dịch xuyên biên giới cũng giúp Cư sĩ Mạc Cửu có đủ tài lực củng cố hệ thống phòng thủ. Từng chứng kiến Hà Tiên thất thủ trước quân Xiêm, ông hiểu rằng phồn vinh nếu không có sức mạnh bảo vệ thì chẳng khác nào ngọn đèn trước gió. Vì vậy, bên cạnh việc mở mang thương nghiệp, ông cho xây dựng đồn lũy, đào hào phòng thủ, củng cố thành trì và tổ chức lực lượng quân sự nhằm bảo vệ cư dân, giữ gìn trật tự, đồng thời ngăn chặn những mưu đồ xâm phạm từ các thế lực cát cứ chung quanh.

Kinh tế nuôi dưỡng quốc lực; quốc lực bảo vệ sự bình yên; và sự bình yên lại mở đường cho thương nhân, lưu dân, tàu thuyền tiếp tục tìm về. Chính trong vòng tuần hoàn ấy, Hà Tiên từ một miền đất thấp ven biển, từng nhiều phen chìm trong khói lửa, đã vươn mình thành một thương cảng phồn thịnh ở vùng Tây Nam.

Đằng sau sự chuyển mình ấy là bóng dáng của một con người từng trải qua binh biến, tù đày, tha hương và những chuyến hải hành xa xứ; một cư sĩ Phật tử trung kiên có tầm nhìn rộng lớn, biết kết hợp đạo lý an dân với trí tuệ trị quốc, biết lấy thương mại làm sinh lực và lấy lòng người làm căn bản.

Cư sĩ Mạc Cửu không chỉ tìm cho mình một chốn dung thân.

Ông đã khai mở một vùng đất.

Và từ vùng đất ấy, một chương đặc biệt trong lịch sử phương Nam, lịch sử Hà Tiên và lịch sử Phật giáo Việt Nam bắt đầu được viết nên.

(còn tiếp...)

(Trích dẫn từ: "*Đại học Tế Nam: Triết học và Khoa học Xã hội*")

Tác giả: 李慶新
Việt dịch & phóng tác: **Thích Vân Phong**
Nguồn: 中國人民大學清史研究所